

PHỤ LỤC

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

(Kèm theo Tờ trình số:/TTr-HĐBT ngày 14/6/2026 của Hội đồng BT,HT&TĐC)

1. Hộ gia đình Ông (bà): Phạm Đình Hùng (Mai), số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi ở hiện nay: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **11**; Tờ bản đồ trích đo: **8**, Loại đất: **CLN**; Diện tích nguyên thửa: **914,9** m²; Diện tích thu hồi: **914,9** m²; Diện tích bị ảnh hưởng: 914,9 m²; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: - m²;

Nguồn gốc đất: Đất công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng quản lý, hộ gia đình, cá nhân có hợp đồng giao khoán.

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **Phạm Đình Hùng (Mai)** là: **62.369.000** đồng (*bằng chữ: Sáu mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng.*), cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Hệ số hỗ trợ khác	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2)							59.430.000
1	Tiền bồi thường đất							0
-	Loại đất: BHK	m ²		914,9	45.000		0,6	24.703.000
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi							34.727.000
1	Chanh C	cây		57	280.000	1,0	0,7	11.172.000
2	Chanh C, vượt mật độ 1	cây		57	280.000	0,5	0,7	5.586.000
3	Chanh C, vượt mật độ 2	cây		57	280.000	0,25	0,7	2.793.000
4	Chanh C, vượt mật độ 3	cây		52	280.000	0,13	0,7	1.274.000
5	Chanh B, vượt mật độ 3	cây		5	140.000	0,13	0,7	61.000
6	Chanh B, vượt mật độ 4	Cây		57	140.000	0,06	0,7	349.000
7	Chanh B, vượt mật độ 5	Cây		57	140.000	0,03	0,7	175.000
8	Chanh B, vượt mật độ 6	Cây		57	140.000	0,02	0,7	87.000
9	Chanh B, vượt mật độ 7	Cây		57	140.000	0,01	0,7	44.000
10	Chanh B, vượt mật độ 8	Cây		14	140.000	0,0039	0,7	5.000

11	Chanh A, vượt mật độ 8	Cây		43	50.000	0,0039	0,7	6.000
12	Chanh A, vượt mật độ 9	Cây		57	50.000	0,0020	0,7	4.000
13	Chanh A, vượt mật độ 10	Cây		57	50.000	0,0010	0,7	2.000
14	Chanh A, vượt mật độ 11	Cây		57	50.000	0,0005	0,7	1.000
15	Chanh A, vượt mật độ 12	Cây		37	50.000	0,00	0,7	0
16	Xoan D:11-20	Cây		80	44.517	0,5	0,7	1.246.000
17	Keo D: 6-10	Cây		22	52.555	0,5	0,7	405.000
18	Keo D: 25-30	Cây		3	52.555	0,5	0,7	55.000
19	Sưa D: 6-10	Cây		25	84.500	0,5	0,7	739.000
20	Sao đen D: 30	Cây		1	83.000	0,5	0,7	29.000
21	Sao đen D: 6-10	Cây		9	83.000	0,5	0,7	261.000
22	Xoài B	Cây		41	200.000	0,5	0,7	2.870.000
23	Xoài B	Cây		11	200.000	0,25	0,7	385.000
24	Na A	Cây		25	65.000	0,5	0,7	569.000
25	Na B	Cây		5	200.000	0,5	0,7	350.000
26	Dừa B	Cây		15	250.000	0,5	0,7	1.313.000
27	Dừa B	Cây		10	250.000	0,25	0,7	438.000
28	Sung D: 35	Cây		1	808.600	0,5	0,7	283.000
29	Sung D: 5	Cây		10	81.900	0,5	0,7	287.000
30	Chuối B	Cây		104	4.000	0,5	0,7	146.000
31	Chuối A	Cây		80	3.000	0,5	0,7	84.000
32	Chuối A	Cây		76	3.000	0,5	0,7	80.000
33	Mít C	Cây		7	700.000	0,5	0,7	1.715.000
34	Mít B	Cây		13	300.000	0,5	0,7	1.365.000
35	Bưởi B	Cây		5	200.000	0,5	0,7	350.000
36	Ngũ da bì A	m2		37	8.000	0,5	1,0	148.000
37	Dâu ăn quả B (35 cây =8m2)	m2		8	12.500	0,5	1,0	50.000

II	Hỗ trợ (1+2+3+4)							2.940.000
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							0
-	Loại đất:	m ²						0
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống							0
-	Số lượng gạo							0
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh							0
4	Hỗ trợ khác							2.940.000
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156							0
	Hỗ trợ VKT							2.940.000
1	Hàng rào dây thép gai (Cột BTCT, (0,1*0,1*1,5)*8)	m		60	70.000	0,7		2.940.000
	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156							0
	TỔNG CỘNG (I+II)							62.369.000

2. Hộ gia đình Ông (bà): Phạm Đình Hùng (Mai), số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi ở hiện nay: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **38**; Tờ bản đồ trích đo: **12**, Loại đất: **BHK**; Diện tích nguyên thửa: **578,7 m²**; Diện tích thu hồi: **578,7 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng: **578,7 m²**; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: - m²;

Nguồn gốc đất: Đất công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng quản lý, hộ gia đình, cá nhân không có hợp đồng giao khoán, không thực hiện nghĩa vụ tài chính.

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **Phạm Đình Hùng (Mai)** là: **88.831.000 đồng** (Bằng chữ: Tám mươi tám triệu, tám trăm ba mươi một nghìn đồng.), cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Hệ số hỗ trợ khác	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2)							36.353.000
1	Tiền bồi thường đất							0
-	Loại đất: BHK	m ²		578,7	45.000		0.6	15.625.000
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi							20.728.000

1	Sua D7	Cây		11	84.500	0,5	0,7	325.000
2	Xoan D3	Cây		48	44.517	0,5	0,7	748.000
3	Xoan D11	Cây		11	44.517	0,5	0,7	171.000
4	Xoan D8	Cây		28	44.517	0,5	0,7	436.000
5	Chuối A	Cây		135	3.000	0,5	0,7	142.000
6	Chuối B	Cây		49	4.000	0,5	0,7	69.000
7	Mít B	Cây		16	300.000	0,5	0,7	1.680.000
8	Mít C	Cây		5	700.000	0,5	0,7	1.225.000
9	Ngũ da bì B	m2		65	8.000	0,5	0,7	182.000
10	Đinh Lăng B	Cây		25	30.000	0,5	0,7	263.000
11	Chanh C	Cây		23	280.000	1,0	0,7	4.508.000
12	Chanh B	Cây		13	140.000	1,0	0,7	1.274.000
13	Chanh B, vượt mật độ 1	Cây		36	140.000	0,5	0,7	1.764.000
14	Chanh B, vượt mật độ 2	Cây		31	140.000	0,25	0,7	760.000
15	Chanh A, vượt mật độ 2	Cây		5	50.000	0,25	0,7	44.000
16	Chanh A, vượt mật độ 3	Cây		36	50.000	0,13	0,7	158.000
17	Chanh A, vượt mật độ 4	Cây		36	50.000	0,06	0,7	79.000
18	Chanh A, vượt mật độ 5	Cây		17	50.000	0,03	0,7	19.000
19	Nhãn A, vượt mật độ 1	Cây		15	70.000	0,03	0,7	18.000
20	Nhãn B	Cây		23	85.000	0,50	0,7	684.000
21	Nhãn B, vượt mật độ 1	Cây		1	85.000	0,25	0,7	15.000
22	Sao D7	Cây		3	83.000	0,5	0,7	87.000
23	Vôi B	Cây		15	20.000	0,5	0,7	105.000
24	Keo D11	Cây		50	52.555	0,5	0,7	920.000
25	Dổi B	Cây		10	200.000	0,5	0,7	700.000
26	Xoài B	Cây		26	200.000	0,5	0,7	1.820.000
27	Xoài B, vượt mật độ 1	Cây		7	200.000	0,25	0,7	245.000

28	Cây Xanh D19	Cây		2	200.000	0,5	0,7	140.000
29	Mật gấu D5	m2		8	6.000	0,5	1.0	24.000
30	Ồi B	Cây		7	200.000	0,5	0,7	490.000
31	Bưởi B	Cây		7	200.000	0,5	0,7	490.000
32	Sung D8	Cây		5	153.400	0,5	0,7	268.000
33	Thanh Long A	Cây		35	40.000	0,5	0,7	490.000
34	Chè xanh B	Cây		50	22.000	0,5	0,7	385.000
II	Hỗ trợ (1+2+3+4)							52.478.000
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							0
-	Loại đất:							0
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống							0
-	Số lượng gạo							0
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh							0
4	Hỗ trợ khác							52.478.000
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156							0
	Hỗ trợ VKT							52.478.000
1	Hàng rào dây thép gai	m		90	70.000	0,7		4.410.000
2	Chuồng trại xây gạch xi D110, mái lợp fibro xi măng, nền bê tông	m2	9,2*4,9	45,1	384.000	0,7		12.118.000
3	Tường ngăn xây gạch xi	m2	1,6*3,6	5,8	167.000	0,7		673.000
4	Trần tôn	m2	2,5*3,8	9,5	165.000	0,7		1.097.000
5	Giếng đào sâu 9m đường kính 1,2m	m3	3,14*(0,6*0,6)*9	10,2	255.000	0,7		1.816.000
6	Chuồng trại nuôi vịt xây gạch xi D110 mái lợp fibro xi măng	m2	11*4,5	49,5	384.000	0,7		13.306.000
7	Ống nhựa PVC DN250 (file:///C:/Users/admin/Desktop/GPMB%202026/PL-Cong-bo-thong-tin-gia-VLXD-Quy-4-2025.pdf)	m	18*2	36,0	311.125	0,7		7.840.000
8	Bê phốt xây gạch xi dài 1,8m rộng 1,4m sâu 1,5m (ngoài nhà)	m2	(1,8*1,5*0,2)*2+(1,4*1,5*0,2)*2	1,9	1.851.000	0,7		2.488.000

1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							0
-	Loại đất:							0
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống							0
-	Số lượng gạo							0
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh							0
4	Hỗ trợ khác							210.130.000
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156							0
	Hỗ trợ VKT							210.130.000
1	Nhà xây gạch D110, mái lợp tôn, tường trát xi măng không lăn sơn nền láng bê tông, điện nước đầy đủ, nhà cao 4,2m	m2	11,8*8,7	102,7	2.847.000	0,7		204.591.000
-	Cộng chênh lệch chiều cao nhà	m2	11,8*8,7	102,7	180.000	0,7		12.935.000
-	Trừ chênh lệch mái lợp ngói so với mái lợp tôn	m2	11,8*8,7	102,7	-38.000	0,7		-2.731.000
-	Trừ chênh lệch nền lát gạch XMH so với nền láng bê tông	m2	11,8*8,7	102,7	-84.000	0,7		-6.036.000
-	Trừ tường quét vôi các màu so với tường quét vôi	m2	11,8*8,7	102,7	-11.000	0,7		-790.000
2	Giếng khoan	m		21	147.000	0,7		2.161.000
	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156							0
	TỔNG CỘNG (I+II)							212.881.000

4. Hộ gia đình Ông (bà): Phạm Đình Hùng (Mai), số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi ở hiện nay: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại:
- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **8**; Tờ bản đồ trích đo: **8**, Loại đất: **NTS**; Diện tích nguyên thửa: **8.966,6 m²**; Diện tích thu hồi: **8.966,6 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng: m²; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: - m²;

Nguồn gốc đất: Đất công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng quản lý, hộ gia đình, cá nhân không có hợp đồng giao khoán, không thực hiện nghĩa vụ tài chính.

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **Phạm Đình Hùng (Mai)** là: **116.566.000** đồng (*bằng chữ: Một trăm mười sáu triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng.*), cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2+3+4)						
1	Tiền bồi thường đất						-
-	Loại đất: NTS	m ²					-
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi						116.566.000
1	Hỗ trợ cá	m ²		8.966,6	13.000	1	116.566.000
3	Tiền bồi thường VKT						
I	Hỗ trợ (1+2+3+4)						0
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm						-
-	Loại đất: NTS	m ²		2.431,6	0		-
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống						
-	Số lượng gạo						
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh						
4	Hỗ trợ khác						
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156						-
	Hỗ trợ VKT						-
	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156						-
	TỔNG CỘNG (I+II)						116.566.000

5. Hộ gia đình Ông (bà): Phạm Đình Hùng (Mai), sổ định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi ở hiện nay: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại:
- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **9**; Tờ bản đồ trích đo: **8**, Loại đất: **BHK**; Diện tích nguyên thửa: **4.202,8 m²**; Diện tích thu hồi: **4.202,8 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng: m²; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: - m²;

Nguồn gốc đất: Đất công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng quản lý, hộ gia đình, cá nhân có hợp đồng giao khoán.

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **Phạm Đình Hùng (Mai)** là: **175.653.000 đồng** (bằng chữ: Một trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng.), cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Hệ số hỗ trợ khác	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2)							159.692.000
1	Tiền bồi thường đất							0
-	Loại đất:							0
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi							159.692.000
	Chanh C	cây		263	280.000	1,0	0,7	51.548.000
	Chanh C, vượt mật độ 1	cây		196	280.000	0,5	0,7	19.208.000
	Chanh B, vượt mật độ 1	cây		67	140.000	0,5	0,7	3.283.000
	Chanh B, vượt mật độ 2	cây		263	140.000	0,3	0,7	6.444.000
	Chanh B, vượt mật độ 3	cây		211	140.000	0,1	0,7	2.585.000
	Chanh A, vượt mật độ 3	cây		52	50.000	0,1	0,7	228.000
	Chanh A, vượt mật độ 4	cây		263	50.000	0,1	0,7	575.000
	Chanh A, vượt mật độ 5	cây		263	50.000	0,03	0,7	288.000
	Chanh A, vượt mật độ 6	cây		263	50.000	0,02	0,7	144.000
	Chanh A, vượt mật độ 7	cây		199	50.000	0,01	0,7	54.000
	Xoài B	Cây		29	200.000	0,5	0,7	2.030.000
	Ổi B	Cây		12	200.000	0,5	0,7	840.000
	Ổi C	Cây		7	350.000	0,5	0,7	858.000
	Dừa B	Cây		15	250.000	0,5	0,7	1.313.000
	Mít A	Cây		10	70.000	0,5	0,7	245.000
	Mít B	Cây		6	300.000	0,5	0,7	630.000
	Mít C	Cây		8	700.000	0,5	0,7	1.960.000
	Cau A	Cây		10	50.000	0,5	0,7	175.000
	Xoan D: 11-20	Cây		2	44.517	0,5	0,7	31.000
	Xoan D: 6-10	Cây		39	44.517	0,5	0,7	608.000
	Sung D: 35	Cây		4	808.600	0,5	0,7	1.132.000
	Sung D: 6-10	Cây		11	153.400	0,5	0,7	591.000

	Chuối A	Cây		69	3.000	0,5	0,7	72.000
	Chuối B	Cây		46	4.000	0,5	0,7	64.000
	Keo D: 6-10	Cây		7	52.555	0,5	0,7	129.000
	Keo D: 11-20	Cây		5	52.555	0,5	0,7	92.000
	Keo D>20	Cây		1	52.555	0,5	0,7	18.000
	Xanh D40	Cây		1	808.600	0,5	0,7	283.000
	Na B	Cây		6	200.000	0,5	0,7	420.000
	Na C	Cây		4	250.000	0,5	0,7	350.000
	Đinh Lăng B	Cây		85	30.000	0,5	0,7	893.000
	Mãng Cầu C	Cây		11	250.000	0,5	0,7	963.000
	Mãng Cầu B	Cây		9	200.000	0,5	0,7	630.000
	Bưởi D	Cây		2	500.000	0,5	0,7	350.000
	Vối B	Cây		15	20.000	0,5	0,7	105.000
	Dâu ăn quả C	Cây		45	25.000	0,5	0,7	394.000
	Mật Gấu A	m2		10	6.000	0,5	0,7	21.000
	Phượng D20	Cây		1	442.000	0,5	0,7	155.000
	Dổi B	Cây		10	200.000	0,5	0,7	700.000
	Ổi B	Cây		6	200.000	0,5	0,7	420.000
	Na A	Cây		6	65.000	0,5	0,7	137.000
	Na B	Cây		17	200.000	0,5	0,7	1.190.000
	Sung D: 5	Cây		4	81.900	0,5	0,7	115.000
	Sung D8	Cây		2	153.400	0,5	0,7	107.000
	Dừa B	Cây		3	250.000	0,5	0,7	263.000
	Mít A	Cây		7	70.000	0,5	0,7	172.000
	Mít B	Cây		5	300.000	0,5	0,7	525.000
	Sưa D7	Cây		10	84.500	0,5	0,7	296.000
	Sao D7	Cây		4	83.000	0,5	0,7	116.000
	Lát D16	Cây		2	85.634	0,5	0,7	60.000

	Lát D5	Cây		4	85.634	0,5	0,7	120.000
	Chè xanh B	Cây		25	22.000	0,5	0,7	193.000
	Chuối A	Cây		120	3.000	0,5	0,7	126.000
	Chuối B	Cây		57	4.000	0,5	0,7	80.000
	Mật gấu D5	m2		7	6.000	0,5	0,7	15.000
	Luồng A	bụi		80	249.402	0,5	0,7	6.983.000
	Luồng B	bụi		95	249.402	0,5	0,7	8.293.000
	Nhãn B	Cây		5	85.000	0,5	0,7	149.000
	Nhãn C	Cây		4	250.000	0,5	0,7	350.000
	Mãng cầu B	Cây		5	200.000	0,5	0,7	350.000
	Vả D24(=Sung D24)	Cây		1	343.200	0,5	0,7	120.000
	Keo D8	Cây		30	52.555	0,5	0,7	552.000
	Xoan D20	Cây		18	44.517	0,5	0,7	280.000
	Xoan D10	Cây		120	44.517	0,5	0,7	1.870.000
	Xoan D6	Cây		30	44.517	0,5	0,7	467.000
	Xoài B	Cây		45	180.000	0,5	0,7	2.835.000
	Ngũ da bì B	m2		15	8.000	0,5	0,7	42.000
	Chuối A	Cây		485	3.000	0,5	0,7	509.000
	Chuối B	Cây		350	4.000	0,5	0,7	490.000
	Sao D7	Cây		2	83.000	0,5	0,7	58.000
	Lát D16	Cây		2	85.634	0,5	0,7	60.000
	Lát D5	Cây		4	85.634	0,5	0,7	120.000
	Sưa D7	Cây		15	84.500	0,5	0,7	444.000
	Ngũ da bì B	m2		40	8.000	0,5	0,7	112.000
	Sung B	Cây		15	44.000	0,5	0,7	231.000
	Mít C	Cây		25	700.000	0,5	0,7	6.125.000
	Xoan D27	Cây		37	44.517	0,5	0,7	576.000
	Xoan D18	Cây		65	44.517	0,5	0,7	1.013.000

	Xoan D10	Cây		76	44.517	0,5	0,7	1.184.000
	Xoan D5	Cây		35	44.517	0,5	0,7	545.000
	Keo D11	Cây		86	52.555	0,5	0,7	1.582.000
	Na A	Cây		17	65.000	0,5	0,7	387.000
	Na B	Cây		20	200.000	0,5	0,7	1.400.000
	Mảng cầu B	Cây		40	200.000	0,5	0,7	2.800.000
	Ồi A	Cây		11	60.000	0,5	0,7	231.000
	Ồi B	Cây		8	200.000	0,5	0,7	560.000
	Ồi C	Cây		8	350.000	0,5	0,7	980.000
	Xoài B	Cây		195	200.000	0,5	0,7	13.650.000
II	Hỗ trợ (1+2+3+4)							15.961.000
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							0
-	Loại đất:							0
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống							0
-	Số lượng gạo							0
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh							0
4	Hỗ trợ khác							15.961.000
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156							0
	Hỗ trợ VKT							15.961.000
1	Hàng rào dây thép Gai	m		60	70.000	0,7		2.940.000
3	Ống nhựa D: 220	m		8	280.368	0,7		1.570.000
4	Hàng rào dây thép gai	m		125	70.000	0,7		6.125.000
5	Đăng cá khung sắt thép hình kết hợp lưới B40	m2	1,2*17	20,4	373.000	0,7		5.326.000
	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156							0
	TỔNG CỘNG (I+II)							175.653.000

6. Hộ gia đình Ông (bà): Trần Thị Ninh, số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi ở hiện nay: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **16**; Tờ bản đồ trích đo: **12**, Loại đất: **BHK**; Diện tích nguyên thửa: **7.850,4 m²**; Diện tích thu hồi: **7.850,4 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng: **m²**; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: **7.800,0 m²**;

Nguồn gốc đất: Đất công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng quản lý, hộ gia đình, cá nhân có hợp đồng giao khoán.

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **Trần Thị Ninh** là: **607.619.000** đồng (*bằng chữ: Sáu trăm lẻ bảy triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng*), cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Hệ số hỗ trợ khác	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2+3)							
1	Tiền bồi thường đất							-
-	Loại đất: BHK	m ²						-
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi							81.119.000
	Mía năm 1	m2		7750,4	10.000	1,000	1,0	77.504.000
	Chanh C	cây		12	280.000	0,500	0,7	1.176.000
	Chanh C, vượt mật độ 1	cây		12	280.000	0,250	0,7	588.000
	Chanh C, vượt mật độ 2	cây		4	280.000	0,125	0,7	98.000
	Chanh B, vượt mật độ 2	cây		8	140.000	0,063	0,7	49.000
	Chanh B, vượt mật độ 3	cây		12	140.000	0,031	0,7	37.000
	Chanh B, vượt mật độ 4	cây		12	140.000	0,031	0,7	37.000
	Chanh B, vượt mật độ 5	cây		12	140.000	0,016	0,7	18.000
	Chanh B, vượt mật độ 6	cây		12	140.000	0,008	0,7	9.000
	Chanh B, vượt mật độ 7	cây		7	140.000	0,004	0,7	3.000
	Chanh A, vượt mật độ 7	cây		5	50.000	0,002	0,7	0
	Chanh A, vượt mật độ 8	cây		12	50.000	0,001	0,7	0
	Chanh A, vượt mật độ 9	cây		2	50.000	0,000	0,7	0
	Ổi D	Cây		4	400.000	0,500	0,7	560.000
	Dưới D: 20 (= Xà cừ)	Cây		3	343.200	0,500	0,7	360.000
	Cỏ voi	m2		100	13.600	0,500	1,0	680.000
3	Tiền bồi thường VKT							
II	Hỗ trợ (1+2+3+4)							0

1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							526.500.000
-	Loại đất: BHK	m ²		7.800,0	45.000	1,5		526.500.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống							
-	Số lượng gạo							
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh							
4	Hỗ trợ khác							
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156							
	Hỗ trợ VKT							
	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156							-
	TỔNG CỘNG (I+II)							607.619.000

7. Hộ gia đình Ông (bà): **Phan Đình Thảo**, số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.

- Nơi ở hiện nay: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **36**; Tờ bản đồ trích đo: **12**, Loại đất: **BHK**; Diện tích nguyên thửa: **200,2 m²**; Diện tích thu hồi: **200,2 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng: m²; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: - m²;

Nguồn gốc đất: Đất công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng quản lý, hộ gia đình, cá nhân có hợp đồng giao khoán.

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **Phan Đình Thảo** là: **7.918.000** đồng (*bằng chữ: Bảy triệu, chín trăm mười tám nghìn đồng.*), cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Hệ số hỗ trợ khác	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2+3+4)							7.918.000
1	Tiền bồi thường đất							-
-	Loại đất: BHK	m ²						-
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi							6.007.000
1	Xoan D: 30	Cây		16	44.517	0,500	0,7	249.000
2	Xoan D: 20	Cây		10	44.517	0,500	0,7	156.000

3	Xoan D: 10	Cây		24	44.517	0,500	0,7	374.000
4	Xoan D: 2-5, vượt mật độ 1	Cây		21	44.517	0,250	0,7	164.000
5	Chanh C	Cây		13	280.000	1,000	0,7	2.548.000
6	Chanh C, vượt mật độ 1	Cây		13	280.000	0,500	0,7	1.274.000
7	Chanh C, vượt mật độ 2	Cây		13	280.000	0,250	0,7	637.000
8	Chanh C, vượt mật độ 3	Cây		1	280.000	0,125	0,7	25.000
9	Chanh B, vượt mật độ 3	Cây		12	140.000	0,125	0,7	147.000
10	Chanh B, vượt mật độ 4	Cây		13	140.000	0,063	0,7	80.000
11	Chanh B, vượt mật độ 5	Cây		13	140.000	0,031	0,7	40.000
12	Chanh B, vượt mật độ 6	Cây		13	140.000	0,016	0,7	20.000
13	Chanh B, vượt mật độ 7	Cây		13	140.000	0,008	0,7	10.000
14	Chanh B, vượt mật độ 8	Cây		11	140.000	0,004	0,7	4.000
15	Chanh A, vượt mật độ 8	Cây		2	50.000	0,004	0,7	0
16	Chanh A, vượt mật độ 9	Cây		13	50.000	0,002	0,7	1.000
17	Chanh A, vượt mật độ 10	Cây		13	50.000	0,001	0,7	0
18	Chanh A, vượt mật độ 11	Cây		13	50.000	0,000	0,7	0
19	Chanh A, vượt mật độ 12	Cây		13	50.000	0,000	0,7	0
20	Chanh A, vượt mật độ 13	Cây		2	50.000	0,000	0,7	0
21	Vông D: 45	Cây		1	273.000	0,500	0,7	96.000
22	Vông D: 90	Cây		1	520.000	0,500	0,7	182.000
3	Tiền bồi thường VKT							1.911.000
	Hàng rào dây thép gai cột BTCT	m		39	70.000	0,7		1.911.000
II	Hỗ trợ (1+2+3+4)							
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							0
-	Loại đất: BHK	m ²		200,2	0	0		0
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống							
-	Số lượng gạo							

3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh							
4	Hỗ trợ khác							
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156							-
								-
	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156							-
	TỔNG CỘNG (I+II)							7.918.000

8. Hộ gia đình Ông (bà): Phan Đình Thảo, số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.

- Nơi ở hiện nay: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **6b**; Tờ bản đồ trích đo: **12**, Loại đất: **BHK**; Diện tích nguyên thửa: **503,5 m²**; Diện tích thu hồi: **503,5 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng: m²; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: - m²;

Nguồn gốc đất: Đất công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng quản lý, hộ gia đình, cá nhân không có hợp đồng giao khoán, không thực hiện nghĩa vụ tài chính.

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **Phan Đình Thảo** là: **28.931.000** đồng (*bằng chữ: Hai mươi tám triệu, chín trăm ba mươi một nghìn đồng.*), cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Hệ số hỗ trợ khác	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2+3+4)							14.243.000
1	Tiền bồi thường đất							-
-	Loại đất: BHK	m ²						-
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi							14.243.000
1	Chanh C	Cây		31	280.000	1,000	0,7	6.076.000
2	Chanh C, vượt mật độ 1	Cây		31	280.000	0,500	0,7	3.038.000
3	Chanh C, vượt mật độ 2	Cây		31	280.000	0,250	0,7	1.519.000
4	Chanh C, vượt mật độ 3	Cây		31	280.000	0,125	0,7	760.000

5	Chanh C, vượt mật độ 4	Cây		31	280.000	0,063	0,7	380.000
6	Chanh C, vượt mật độ 5	Cây		31	280.000	0,031	0,7	190.000
7	Chanh C, vượt mật độ 6	Cây		31	280.000	0,016	0,7	95.000
8	Chanh C, vượt mật độ 7	Cây		16	280.000	0,008	0,7	25.000
9	Chanh B, vượt mật độ 7	Cây		15	140.000	0,008	0,7	11.000
10	Chanh B, vượt mật độ 8	Cây		31	140.000	0,004	0,7	12.000
11	Chanh B, vượt mật độ 9	Cây		31	140.000	0,002	0,7	6.000
12	Chanh B, vượt mật độ 10	Cây		31	140.000	0,001	0,7	3.000
13	Chanh B, vượt mật độ 11	Cây		13	140.000	0,000	0,7	1.000
14	Chanh A, vượt mật độ 11	Cây		18	50.000	0,000	0,7	0
15	Chanh A, vượt mật độ 12	Cây		31	50.000	0,000	0,7	0
16	Chanh A, vượt mật độ 13	Cây		31	50.000	0,000	0,7	0
17	Chanh A, vượt mật độ 14	Cây		13	50.000	0,000	0,7	0
18	Chuối A	Cây		189	3.000	0,500	0,7	198.000
19	Chuối B	Cây		211	4.000	0,500	0,7	295.000
20	Xoan D: 6-10	Cây		35	44.517	0,500	0,7	545.000
21	Mít A	Cây		30	70.000	0,500	0,7	735.000
22	Bơ A	Cây		5	60.000	0,500	0,7	105.000
23	Xoan D: 2-5	Cây		16	44.517	0,500	0,7	249.000
3	Tiền bồi thường VKT							
II	Hỗ trợ (1+2+3+4)							14.688.000
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							0
-	Loại đất: BHK	m ²		503,5	45.000	1	0,6	13.595.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống							
-	Số lượng gạo							
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh							
4	Hỗ trợ khác							

	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156							-
								-
	Hỗ trợ VKT							1.093.000
	Hàng rào dây thép gai	m		22.3	70.000	0,7		1.093.000
	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156							-
	TỔNG CỘNG (I+II)							28.931.000

9. Hộ gia đình Ông (bà): Bùi Thanh Xuân (Ngô Thị Yên). số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn 8.** xã Sao Vàng. tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi ở hiện nay: **Thôn 8.** xã Sao Vàng. tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **2**; Tờ bản đồ trích đo: **16.** Loại đất: **BHK**; Diện tích nguyên thửa: 12.413.7 m²; Diện tích thu hồi: 12.413.7 m²; Diện tích bị ảnh hưởng: 12.413.7 m²; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: - m²;

Nguồn gốc đất: Đất UBND xã quản lý.

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **Bùi Thanh Xuân (Ngô Thị Yên)** là: **124.137.000** đồng (*bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn đồng.*). cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	DVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2+3)						124.137.000
1	Tiền bồi thường đất						-
-	Loại đất: 0	m ²					-
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi						124.137.000
-	Mía năm nhất (thửa số 2 tờ số 16)	m ²		12.413.7	10.000	1	124.137.000
3	Tiền bồi thường VKT						
I I	Hỗ trợ (1+2+3+4)						0
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm						-
-	Loại đất: 0	m ²			0		-
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống						
-	Số lượng gạo						

3	Hỗ trợ ổn định sản xuất. kinh doanh						
4	Hỗ trợ khác						
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156						-
	Hỗ trợ VKT						-
	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156						-
	TỔNG CỘNG (I+II)						124.137.000

10. Hộ gia đình Ông (bà): UBND xã Sao Vàng, số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn Xuân Tâm**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi ở hiện nay: **Thôn Xuân Tâm**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **2**; Tờ bản đồ trích đo: **16**. Loại đất: **BHK**; Diện tích nguyên thửa: **12.413.7 m²**; Diện tích thu hồi: **12.413.7 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng: **m²**; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: - m²;

Nguồn gốc đất: Đất UBND xã quản lý

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **UBND xã Sao Vàng** là: 0 đồng (*bằng chữ: không*). cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2+3+4)						
1	Tiền bồi thường đất						-
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi						-
3	Tiền bồi thường VKT						
I	Hỗ trợ (1+2+...+6)						0
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm						-
-	Loại đất:	m ²			0		-
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống						
-	Số lượng gạo						
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh						
4	Hỗ trợ khác						
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156						-

							-
	Hỗ trợ VKT						-
	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156						-
	TỔNG CỘNG (I+II)						0

11. Hộ gia đình Ông (bà): UBND xã Sao Vàng. số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn Xuân Tâm.** xã Sao Vàng. tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi ở hiện nay: **Thôn Xuân Tâm.** xã Sao Vàng. tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **236**; Tờ bản đồ trích đo: **2**. Loại đất: **ĐGT**; Diện tích nguyên thửa: **275,9 m²**; Diện tích thu hồi: **275,9 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng: m²; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: - m²;

Nguồn gốc đất: Đất UBND xã quản lý

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **UBND xã Sao Vàng** là: 0 đồng (*bằng chữ: không*). cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2+3+4)						
1	Tiền bồi thường đất						-
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi						-
3	Tiền bồi thường VKT						
I	Hỗ trợ (1+2+...+6)						0
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm						-
-	Loại đất:	m ²			0		-
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống						
-	Số lượng gạo						
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh						
4	Hỗ trợ khác						
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156						-
							-
	Hỗ trợ VKT						-

	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156						-
	TỔNG CỘNG (I+II)						0

12. Hộ gia đình Ông (bà): UBND xã Sao Vàng. số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Tâm. xã Sao Vàng. tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi ở hiện nay: Thôn Xuân Tâm. xã Sao Vàng. tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **3**; Tờ bản đồ trích đo: **215**. Loại đất: **ĐTL**; Diện tích nguyên thửa: **253,9 m²**; Diện tích thu hồi: **253,9 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng: m²; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: - m²;

Nguồn gốc đất: Đất UBND xã quản lý

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **UBND xã Sao Vàng** là: 0 đồng (*bằng chữ: không*). cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2+3+4)						
1	Tiền bồi thường đất						-
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi						-
3	Tiền bồi thường VKT						
I I	Hỗ trợ (1+2+...+6)						0
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm						-
-	Loại đất:	m ²			0		-
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống						
-	Số lượng gạo						
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh						
4	Hỗ trợ khác						
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156						-
							-
	Hỗ trợ VKT						-
	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156						-

	TỔNG CỘNG (I+II)						0
--	-------------------------	--	--	--	--	--	----------

13. Hộ gia đình Ông (bà): Trịnh Thị Hợp (Thắng), số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.

- Nơi ở hiện nay: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **47**; Tờ bản đồ trích đo: **5**, Loại đất: **NST**; Diện tích nguyên thửa: **1.453,9** m²; Diện tích thu hồi: **1.453,9** m²; Diện tích bị ảnh hưởng: 1.453,9 m²; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: - m²;

Nguồn gốc đất: Đất khai hoang

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **Trịnh Thị Hợp (Thắng)** là: **91.730.000** đồng (*bằng chữ: Chín mươi một triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng.*), cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Hệ số hỗ trợ khác	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2)							90.519.000
1	Tiền bồi thường đất							65.426.000
-	Loại đất: BHK	m ²		1.453,9	45.000	1		65.426.000
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi							25.093.000
1	Chanh C, cây trồng chính	cây	32,00		280.000	1,000	0,7	6.272.000
2	Chanh C, cây trồng chính, vượt mật độ 1	cây	32,00		280.000	0,500	0,7	3.136.000
3	Chanh C, cây trồng chính, vượt mật độ 2	cây	15,00		280.000	0,250	0,7	735.000
4	Chanh B, Cây trồng chính, vượt mật độ 3	cây	17,00		140.000	0,125	0,7	208.000
5	Chanh B, Cây trồng chính, vượt mật độ 4	cây	17,00		140.000	0,063	0,7	104.000
6	Chanh A, Cây trồng chính, vượt mật độ 5	cây	23,00		50.000	0,031	0,7	25.000
7	Dừa B	cây	37,00		250.000	0,500	0,7	3.238.000
8	Sung D12	cây	7,00		260.000	0,500	0,7	637.000
9	Ổi C	cây	6,00		350.000	0,500	0,7	735.000
10	Chuối A	cây	42,00		40.000	0,500	0,7	588.000
11	Chuối B	cây	21,00		100.000	0,500	0,7	735.000
12	Hỗ trợ cá	m2	953,90		13.000	1,000	0,7	8.680.000
13	Chanh C, cây trồng chính	cây	32,00		280.000	1,000	0,7	6.272.000

14	Chanh C, cây trồng chính, vượt mật độ 1	cây	32,00		280.000	0,500	0,7	3.136.000
15	Chanh C, cây trồng chính, vượt mật độ 2	cây	15,00		280.000	0,250	0,7	735.000
16	Chanh B, Cây trồng chính, vượt mật độ 3	cây	17,00		140.000	0,125	0,7	208.000
17	Chanh B, Cây trồng chính, vượt mật độ 4	cây	17,00		140.000	0,063	0,7	104.000
18	Chanh A, Cây trồng chính, vượt mật độ 5	cây	23,00		50.000	0,031	0,7	25.000
19	Dừa B	cây	37,00		250.000	0,500	0,7	3.238.000
20	Sung D12	cây	7,00		260.000	0,500	0,7	637.000
21	Ồi C	cây	6,00		350.000	0,500	0,7	735.000
22	Chuối A	cây	42,00		40.000	0,500	0,7	588.000
23	Chuối B	cây	21,00		100.000	0,500	0,7	735.000
24	Hỗ trợ cá	m2	953,90		13.000	1,000	0,7	8.680.000
II	Hỗ trợ (1+2+3+4)							1.211.000
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							0
-	Loại đất:	m ²						0
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống							0
-	Số lượng gạo							0
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh							0
4	Hỗ trợ khác							1.211.000
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156							0
	Hỗ trợ VKT							1.211.000
1	Cống BTCT, D 0,4m, dày 0,05m, dài 4m, 2 cái	m3	(0,2*0,2*3,14-(0,2-0,05)*(0,2-0,05)*3,14)*4*2	0,4396	3.935.000	0,7		1.211.000
	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156							0
	TỔNG CỘNG (I+II)							91.730.000

14. Hộ gia đình Ông (bà): Trịnh Thị Hợp (Thắng), số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi ở hiện nay: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **43**; Tờ bản đồ trích đo: **5**, Loại đất: **NST**; Diện tích nguyên thửa: **1.035,8 m²**; Diện tích thu hồi: **1.035,8 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng: **1.035,8 m²**; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: - m²;

Nguồn gốc đất: Đất khai hoang

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **Trịnh Thị Hợp (Thắng)** là: **59.393.000** đồng (*bằng chữ: Năm mươi chín triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn đồng.*), cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Hệ số hỗ trợ khác	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2)							58.182.000
1	Tiền bồi thường đất							46.611.000
-	Loại đất: BHK	m ²		1.035,8	45.000	1		46.611.000
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi							11.571.000
	Keo D6-10 (năm thứ 4), cây trồng chính	cây		35	51.511	1,000	0,7	1.262.000
1	Cỏ voi	m2		100	13.600	0,500	0,7	476.000
2	Sung D21	cây		1	343.200	0,500	0,7	120.000
3	Cây vông D25	cây		1	214.500	0,500	0,7	75.000
4	Khoai môn B	m2		30	13.000	0,500	0,7	137.000
5	Xoan D35	cây		1	214.500	0,500	0,7	75.000
6	Hỗ trợ cá	m2		1035,8	13.000	1,000	0,7	9.426.000
II	Hỗ trợ (1+2+3+4)							1.211.000
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							0
-	Loại đất:	m ²						0
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống							0
-	Số lượng gạo							0
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh							0
4	Hỗ trợ khác							1.211.000
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156							0
	Hỗ trợ VKT							1.211.000
1	Cổng BTCT, D0,4, dày 0,05m, dài 4m	Cái	(0,2*0,2*3,14-(0,2-	0,4396	3.935.000	0,7		1.211.000

			0,05)*(0,2-0,05)*3,14)*4*2					
	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156							0
	TỔNG CỘNG (I+II)							59.393.000

15. Hộ gia đình Ông (bà): Phạm Thị Lệ, số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi ở hiện nay: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại:
- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **4**; Tờ bản đồ trích đo: **12**, Loại đất: **BHK**; Diện tích nguyên thửa: **2.377,9 m²**; Diện tích thu hồi: **2.377,9 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng: m²; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: **2.200,0 m²**;

Nguồn gốc đất: Đất công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng quản lý, hộ gia đình, cá nhân có hợp đồng giao khoán.

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **Phạm Thị Lệ** là: **172.902.000** đồng (*bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm linh hai nghìn đồng*), cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Hệ số hỗ trợ khác	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2+3)							7.350.000
1	Tiền bồi thường đất							-
-	Loại đất: BHK	m ²						-
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi							
3	Tiền bồi thường VKT							7.350.000
	Hàng rào dây thép gai	m		150	70.000		0,7	7.350.000
I	Hỗ trợ (1+2+3+4)							165.552.000
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							148.500.000
-	Loại đất: BHK	m ²		2,200.0	45.000	1,5		148.500.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống							
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh							
4	Hỗ trợ khác							
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156							-

	Hỗ trợ VKT						
	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156						17.052.000
	Chanh C	Cây	87	280.000	1,0	0,7	17.052.000
	TỔNG CỘNG (I+II)						172.902.000

16. Hộ gia đình Ông (bà): Phạm Thị Lệ, số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi ở hiện nay: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **2**; Tờ bản đồ trích đo: **12**, Loại đất: **BHK**; Diện tích nguyên thửa: **243,4 m²**; Diện tích thu hồi: **242,2 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng: m²; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: - m²;

Nguồn gốc đất: Đất công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng quản lý, hộ gia đình, cá nhân không có hợp đồng giao khoán, không thực hiện nghĩa vụ tài chính.

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **Phạm Thị Lệ** là: **34.968.000** đồng (*bằng chữ: Ba mươi tư triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng*), cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Hệ số hỗ trợ khác	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2+3)							
1	Tiền bồi thường đất							-
-	Loại đất: BHK	m ²						-
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi							-
3	Tiền bồi thường VKT							
II	Hỗ trợ (1+2+3+4)							34.968.000
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							-
-	Loại đất:	m ²			0			-
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống							
-	Số lượng gạo							
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh							
4	Hỗ trợ khác							34.968.000
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156							6.572.000
	Loại đất: BHK	m ²		243.4	45.000	1	0,6	6.572.000

	Hỗ trợ VKT							-
	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156							28.396.000
1	Chanh B	Cây	77	280.000	1,0000	0,7	7.546.000	7.546.000
2	Chanh B, vượt mật độ 1	Cây	164	140.000	1,0000	0,7	8.036.000	8.036.000
3	Chanh B, vượt mật độ 2	Cây	164	140.000	0,5000	0,7	4.018.000	4.018.000
4	Chanh B, vượt mật độ 3	Cây	68	140.000	0,2500	0,7	833.000	833.000
5	Chanh A, vượt mật độ 3	Cây	96	140.000	0,1250	0,7	420.000	420.000
6	Chanh A, vượt mật độ 4	Cây	164	50.000	0,1250	0,7	359.000	359.000
7	Chanh A, vượt mật độ 5	Cây	164	50.000	0,0625	0,7	179.000	179.000
8	Chanh A, vượt mật độ 6	Cây	164	50.000	0,0313	0,7	90.000	90.000
9	Chanh A, vượt mật độ 7	Cây	164	50.000	0,0156	0,7	45.000	45.000
10	Chanh A, vượt mật độ 8	Cây	164	50.000	0,0078	0,7	22.000	22.000
11	Chanh A, vượt mật độ 9	Cây	164	50.000	0,0039	0,7	11.000	11.000
12	Chanh A, vượt mật độ 10	Cây	164	50.000	0,0020	0,7	6.000	6.000
13	Chanh A, vượt mật độ 11	Cây	126	50.000	0,0010	0,7	2.000	2.000
14	Mít A	Cây	164	50.000	0,0005	0,7	4.018.000	4.018.000
15	Mít A, vượt mật độ 1	Cây	126	70.000	0,5000	0,7	1.544.000	1.544.000
16	Xoan D: 5	Cây	14	70.000	0,2500	0,7	218.000	218.000
17	Keo D: 15	Cây	10	44.517	0,5000	0,7	184.000	184.000
18	Mảng cầu A	Cây	38	52.555	0,5000	0,7	865.000	865.000
	TỔNG CỘNG (I+II)							34.968.000

17. Hộ gia đình Ông (bà): Phạm Thị Vân, số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi ở hiện nay: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **27**; Tờ bản đồ trích đo: **12**, Loại đất: **BHK**; Diện tích nguyên thửa: **5.551,1 m²**; Diện tích thu hồi: **5.551,1 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng: **m²**; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: **5.551,1 m²**;

Nguồn gốc đất: Đất công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng quản lý, hộ gia đình, cá nhân có hợp đồng giao khoán.

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **Phạm Thị Vân** là:
424.361.000 đồng (*bằng chữ: Bốn trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn đồng.*), cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2+3)						49.662.000
1	Tiền bồi thường đất						-
-	Loại đất: BHK	m ²					-
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi						44.557.000
1	Đào B	Cây		21	200.000	1	4.200.000
2	Quất B	Cây		129	150.000	1	19.350.000
3	Cỏ voi	m2		709,8	13.600	1	9.653.000
4	Ngô	m2		1428	6.500	1	9.282.000
5	Rau màu các loại	m2		159,4	13.000	1	2.072.000
3	Tiền bồi thường VKT						5.105.000
1	Mương đào máy	m3	0,8*0,5*(67+34+50)	60.4	18.000	0,7	761.000
2	Mương đào máy	m3	1,6*0,8*(44+34+10)	112.64	18.000	0,7	1.419.000
3	Cống D50, dày 0,07	m	$3,14*12*(0,5*0,5-0,43*0,43)/4$	0,61324	3.935.000	0,7	1.689.000
4	Đào ao bằng máy (1 cái) D5, sâu 5	m3	$3,14*(2,5*2,5)*5$	98,125	18.000	0,7	1.236.000
II	Hỗ trợ (1+2+3+4)						374.699.000
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm						374.699.000
-	Loại đất: BHK	m ²		5,551.1	45.000	1,5	374.699.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống						
-	Số lượng gạo						
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh						
4	Hỗ trợ khác						
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156						-
							-
	Hỗ trợ VKT						

	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156						-
	TỔNG CỘNG (I+II)						424.361.000

18. Hộ gia đình Ông (bà): Trịnh Thị Lý (Phương), số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi ở hiện nay: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **5**; Tờ bản đồ trích đo: **12**, Loại đất: **BHK**; Diện tích nguyên thửa: **5.358,7 m²**; Diện tích thu hồi: **4.783,6 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng: m²; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: **3.800,0 m²**;

Nguồn gốc đất: Đất công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng quản lý, hộ gia đình, cá nhân có hợp đồng giao khoán.

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **Trịnh Thị Lý (Phương)** là: **312.505.000** đồng (*bằng chữ: Ba trăm mười hai triệu, năm trăm linh năm nghìn đồng.*), cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Hệ số hỗ trợ khác	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2+3)							6.419.000
1	Tiền bồi thường đất							-
-	Loại đất: BHK	m ²						-
2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi							
3	Tiền bồi thường VKT							
1	Hàng rào dây thép gai(2 dây) cọc BTCT	m	(0,12*0,12*1,5)*58	131	70.000		0,7	6.419.000
II	Hỗ trợ (1+2+3+4)							306.086.000
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm							256.500.000
-	Loại đất: BHK	m ²		3,800.0	45.000	1,5		256.500.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống							
-	Số lượng gạo							
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh							
4	Hỗ trợ khác							
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156							
	Hỗ trợ VKT							

	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156							49.586.000
1	Mía năm 1	m2		4683.6	10.000	1,000	1	46.836.000
2	Keo D: 6-10	Cây		25	52.555	0,500	0,7	460.000
3	Keo D: 2-5	Cây		40	52.555	0,500	0,7	736.000
4	Dâu A&B (319 cây= 70m2)	m		70	12.500	0,500	0,7	306.000
5	Cỏ voi	m2		20	13.600	0,500	1	136.000
6	Keo D 40	Cây		13	52.555	0,500	0,7	239.000
7	Keo D 30	Cây		6	52.555	0,500	0,7	110.000
8	Xoan D 35	Cây		5	44.517	0,500	0,7	78.000
9	Keo D 20	Cây		5	52.555	0,500	0,7	92.000
10	Keo D<1	Cây		60	28.247	0,500	0,7	593.000
	TỔNG CỘNG (I+II)							312.505.000

19. Hộ gia đình Ông (bà): Lê Thị Hiền (Phú), số định danh cá nhân:

- Địa chỉ thường trú: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi ở hiện nay: **Thôn 8**, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại:
- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **10**; Tờ bản đồ trích đo: **8**, Loại đất: **BHK**; Diện tích nguyên thửa: **4.408,2 m²**; Diện tích thu hồi: **4.408,2 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng: m²; Diện tích được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: **0,0 m²**; (Bổ sung phần cây cối hoa màu tại QĐ 4235 ngày 31/7/2024).

Nguồn gốc đất: Đất công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng quản lý, hộ gia đình, cá nhân có hợp đồng giao khoán.

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà) **Lê Thị Hiền (Phú)** là: **31.882.000** đồng (*bằng chữ: Ba mươi một triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng*), cụ thể như sau:

	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Hệ số hỗ trợ khác	Thành tiền (đồng)
I	Bồi thường (1+2+3+4)							
1	Tiền bồi thường đất							-
-	Loại đất: BHK	m ²						-

2	Tiền bồi thường cây cối hoa màu, vật nuôi							
3	Tiền bồi thường VKT							
II	Hỗ trợ (1+2+3+4)							31.882.000
1	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyên đổi nghề và tìm kiếm việc làm							
-	Loại đất: BHK	m ²						
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống							
-	Số lượng gạo							
3	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh							
4	Hỗ trợ khác							31.882.000
	Hỗ trợ đất không có hợp đồng CV 156							-
	Hỗ trợ VKT							
	Hỗ trợ cây cối hoa màu theo CV 156							31.882.000
	Chanh C	Cây		56,0	280.000	1,000	0,7	10.976.000
	Chanh C, vượt mật độ 1	Cây		56,0	280.000	0,500	0,7	5.488.000
	Chanh C, vượt mật độ 2	Cây		7,0	280.000	0,250	0,7	343.000
	Chanh B, vượt mật độ 2	Cây		49,0	140.000	0,250	0,7	1.201.000
	Chanh B, vượt mật độ 3	Cây		56,0	140.000	0,125	0,7	686.000
	Chanh B, vượt mật độ 4	Cây		30,0	140.000	0,063	0,7	184.000
	Chanh A, vượt mật độ 4	Cây		26,0	50.000	0,063	0,7	57.000
	Chanh A, vượt mật độ 5	Cây		56,0	50.000	0,031	0,7	61.000
	Chanh A, vượt mật độ 6	Cây		34,0	50.000	0,016	0,7	19.000
	Mít A	Cây		56,0	70.000	0,500	0,7	1.372.000
	Mít A, vượt mật độ 1	Cây		56,0	70.000	0,250	0,7	686.000
	Mít A, vượt mật độ 2	Cây		56,0	70.000	0,125	0,7	343.000
	Mít A, vượt mật độ 3	Cây		56,0	70.000	0,063	0,7	172.000
	Mít A, vượt mật độ 4	Cây		38,0	70.000	0,031	0,7	58.000
	Dổi A	Cây		54,0	60.000	0,500	0,7	1.134.000

